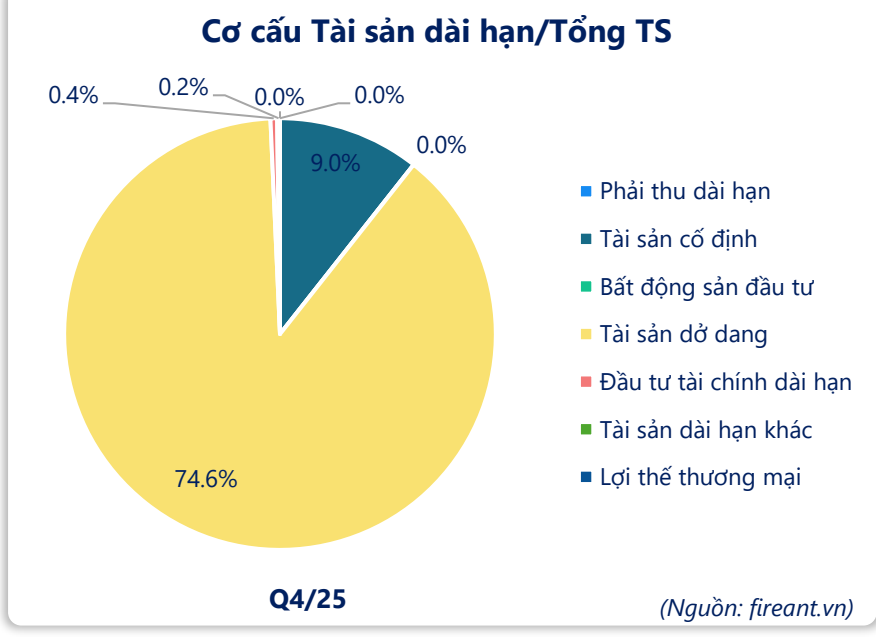
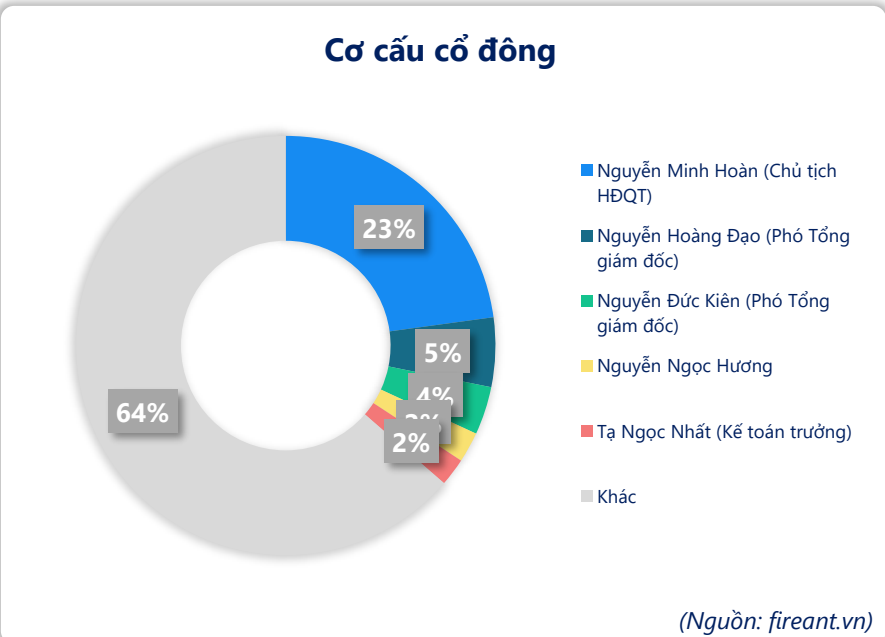
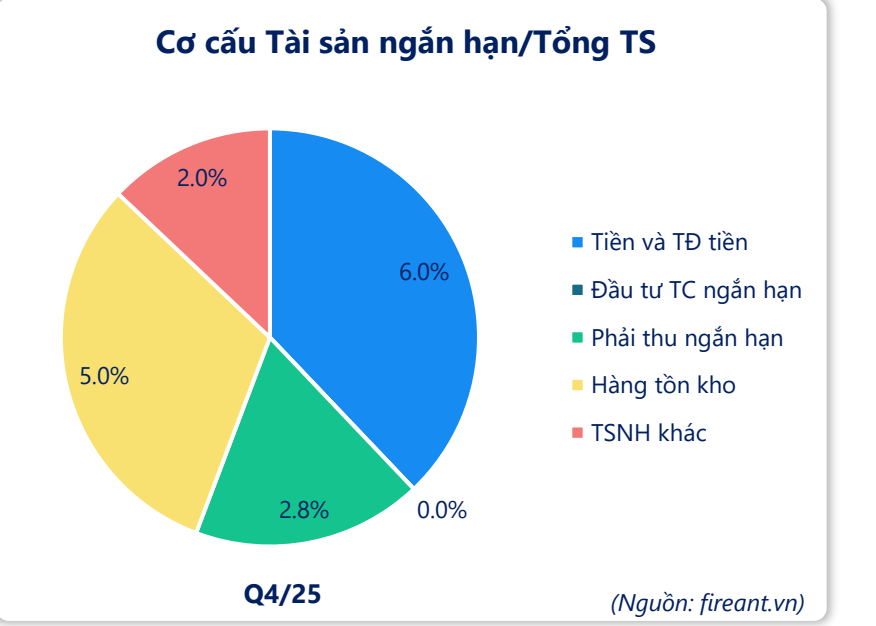
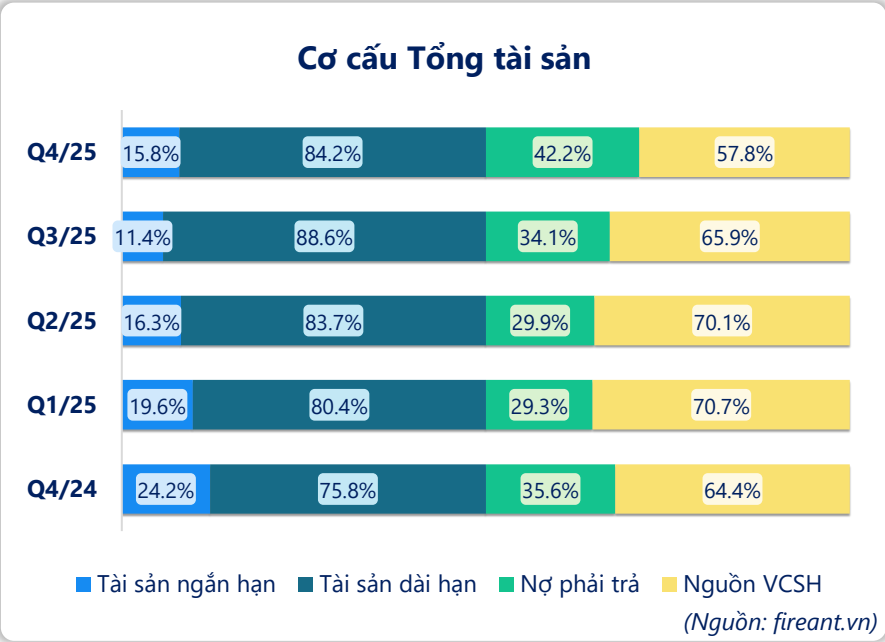
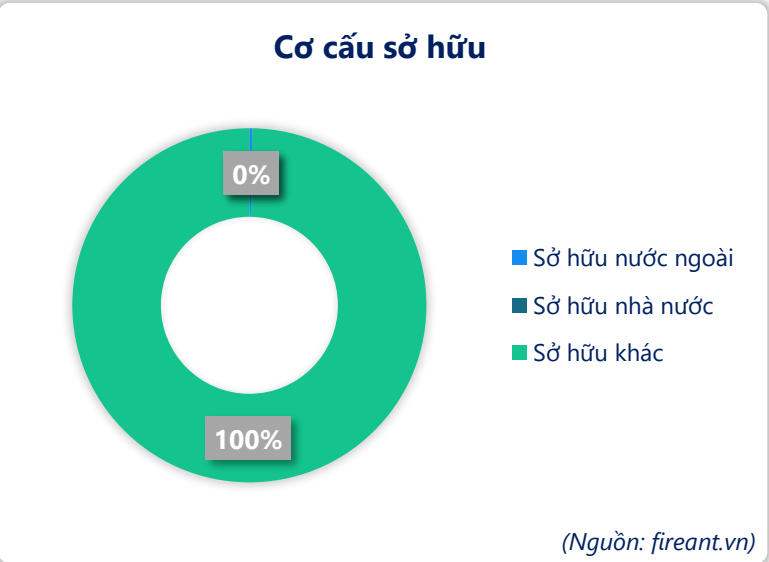
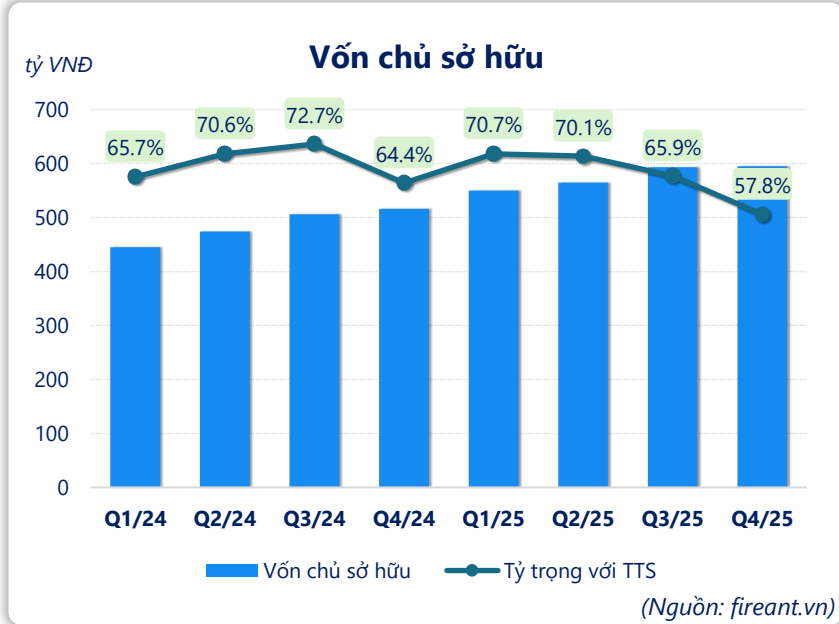
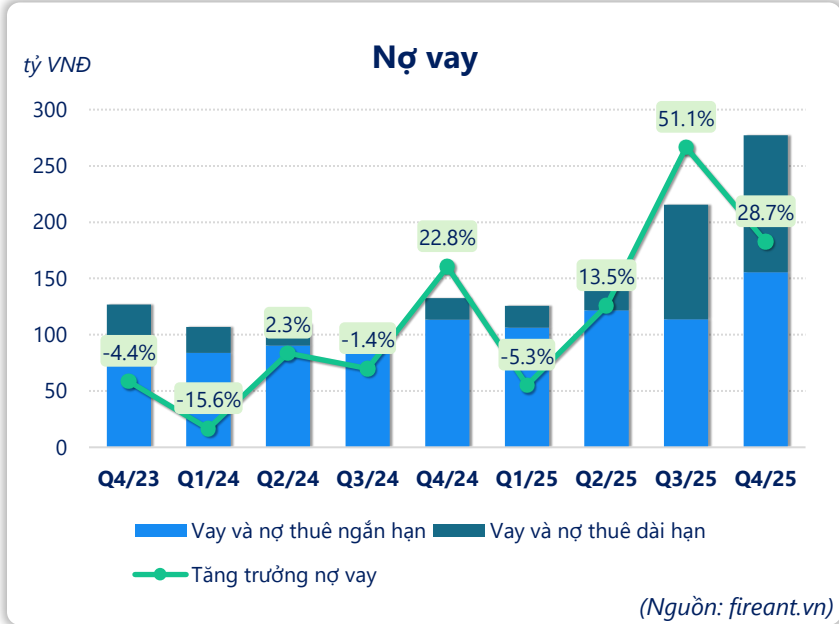
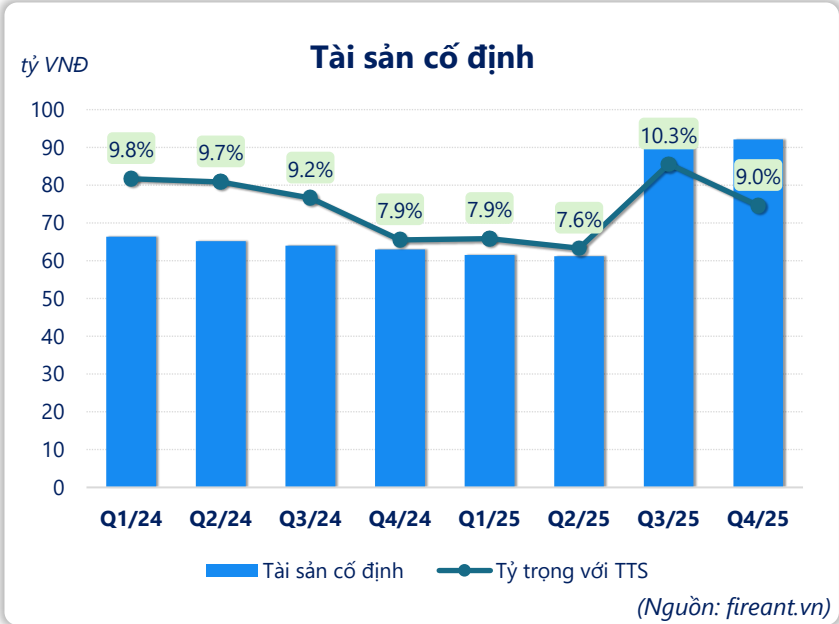
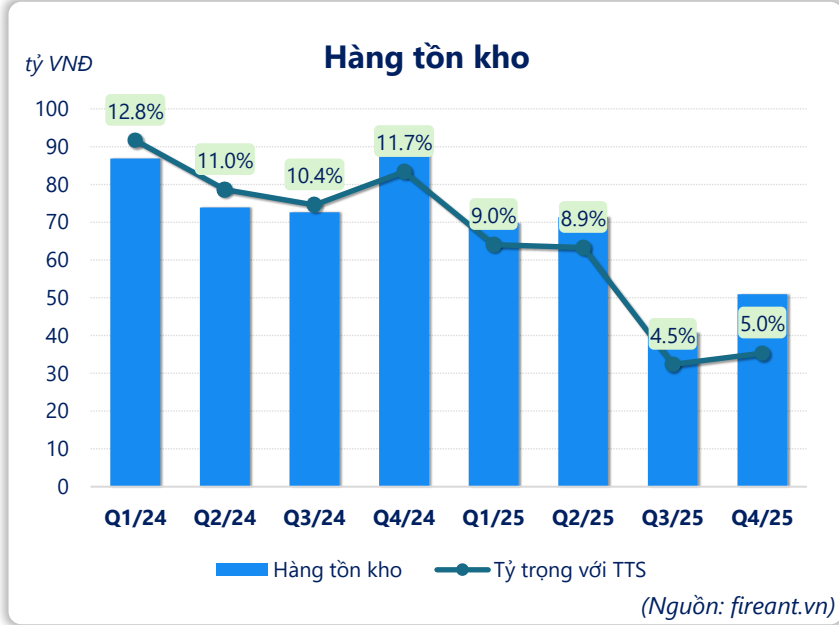
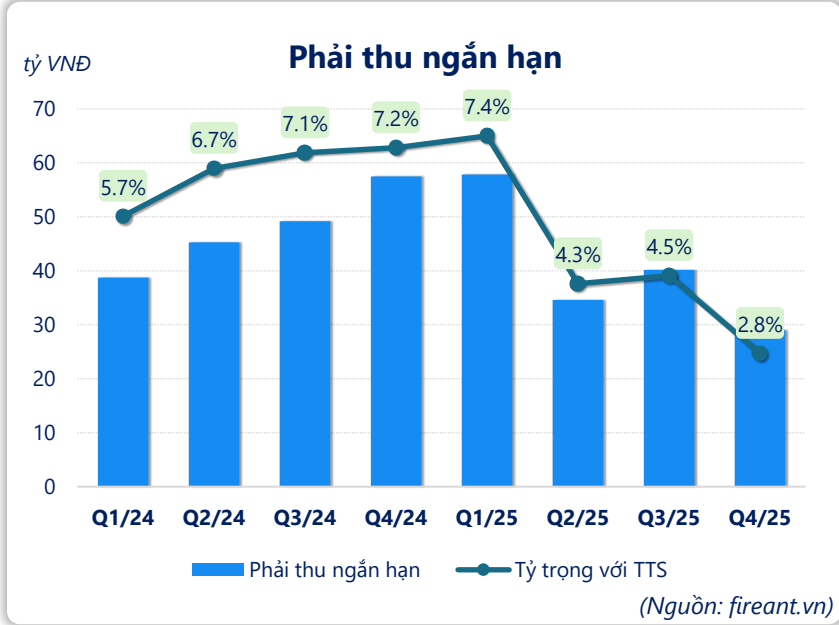
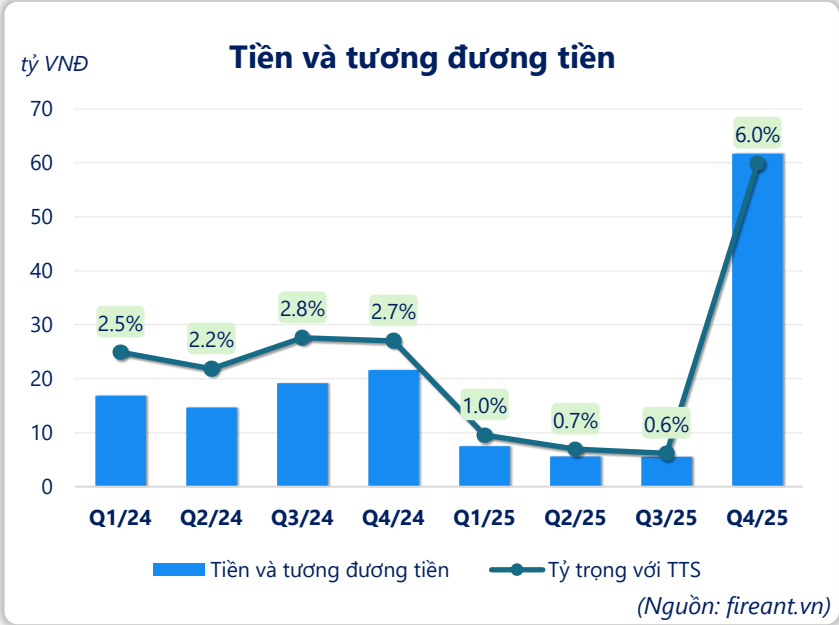
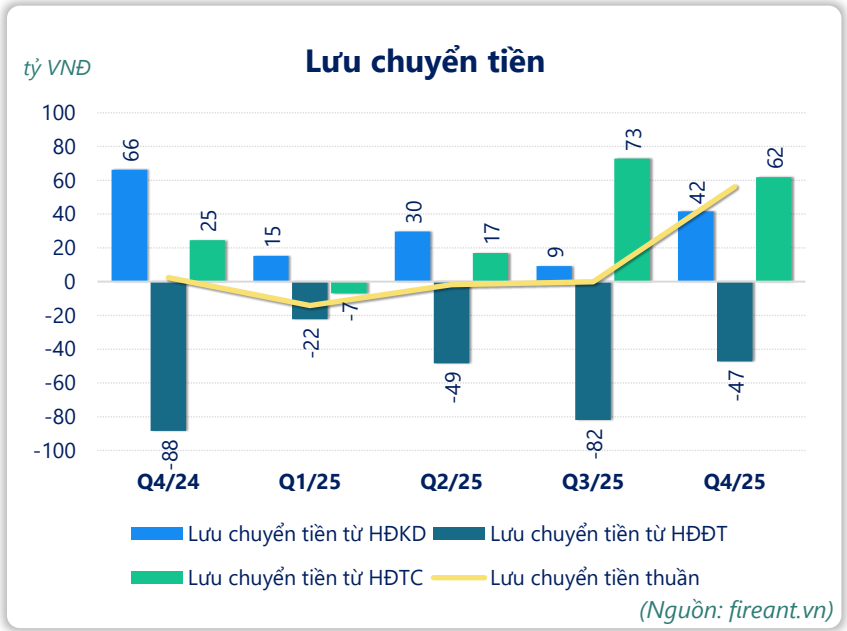
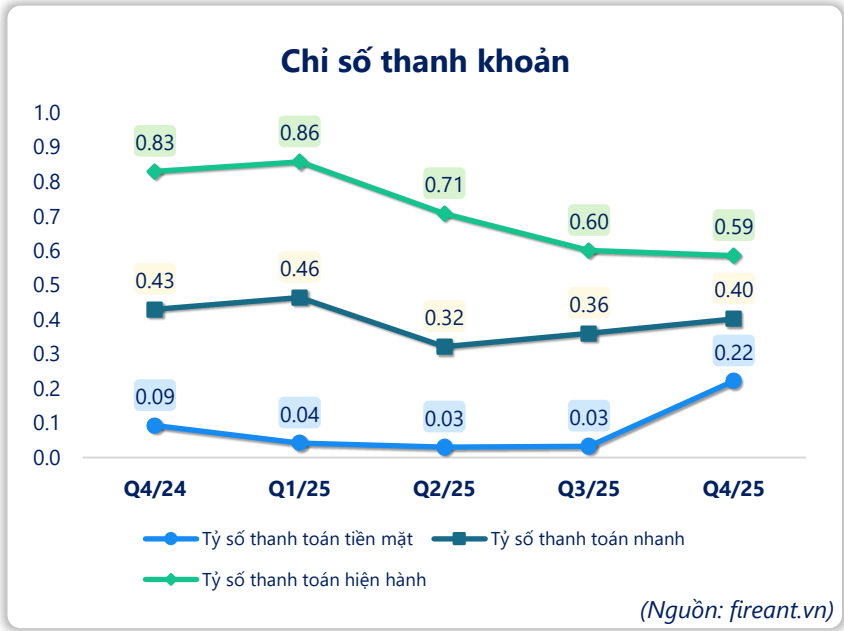
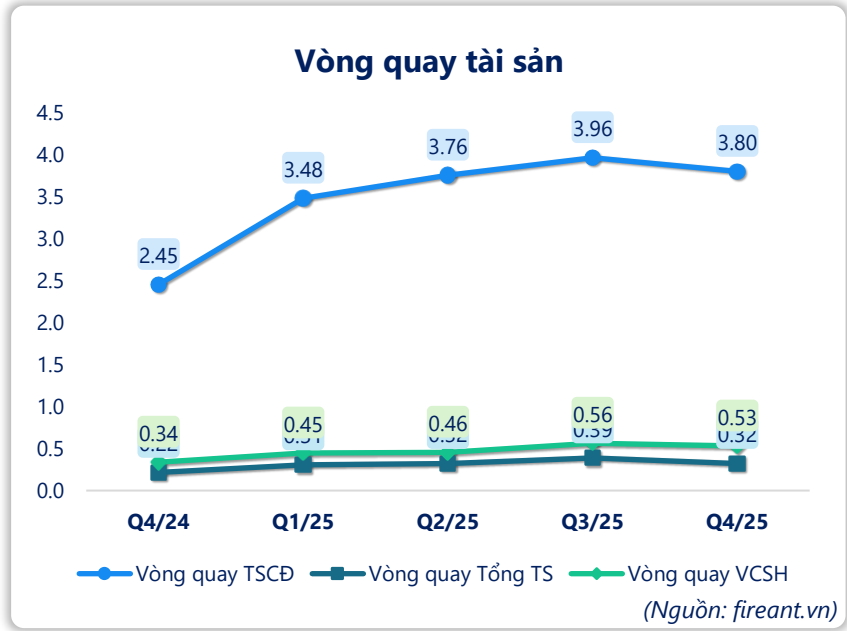
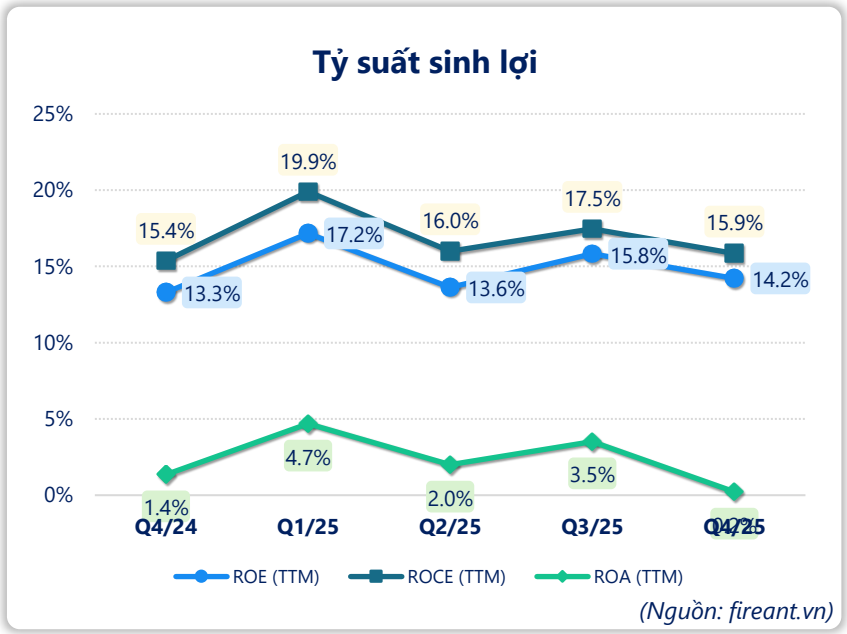
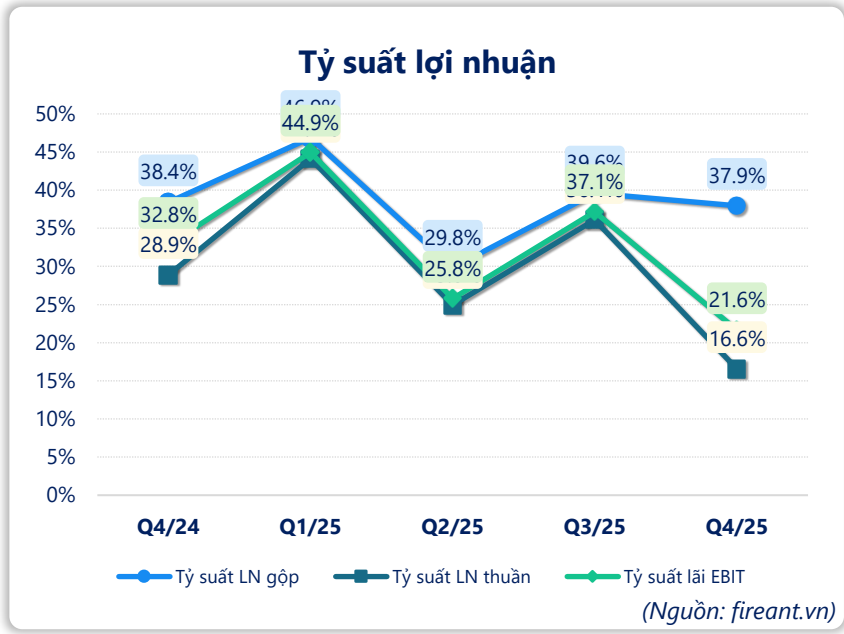
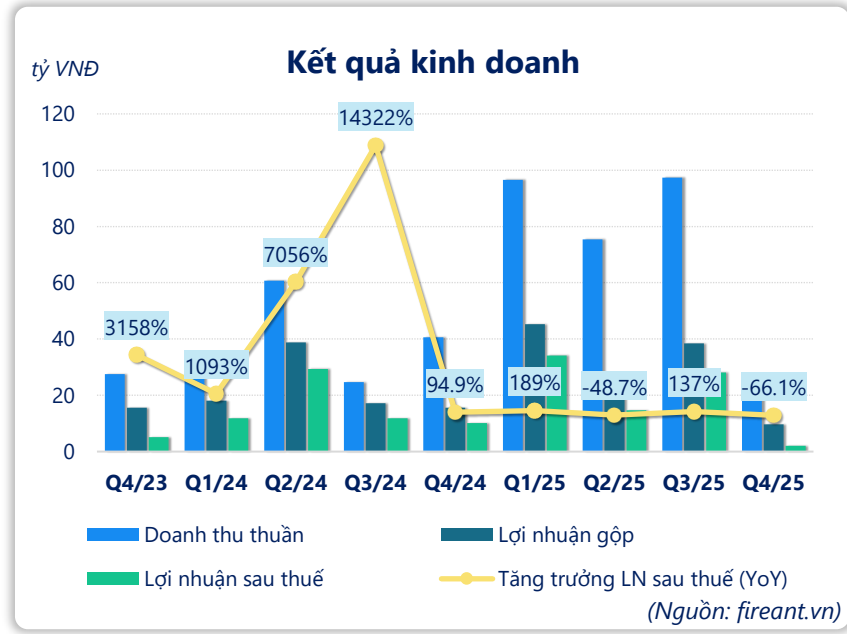


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,850
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		24,029
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,208
SL cổ phiếu LH		64,788,945
KLGD BQ 20 phiên (CP)		129,950
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,027
P/E		13.0
EPS		1,219

	YTD	1T	3T	6T
NHA	-28.3%	-14.1%	-15.8%	-13.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,029	801	28.5%
Tài sản ngắn hạn	163	194	-16.1%
Tiền và tương đương tiền	61.7	21.6	185%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	29.0	57.4	-49.4%
Hàng tồn kho	51.0	93.5	-45.5%
Tài sản ngắn hạn khác	21.1	21.5	-2.1%
Tài sản dài hạn	866	607	42.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.1	63.0	46.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	768	539	42.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.32	4.55	-5.1%
Tài sản dài hạn khác	1.82	0.06	3183%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	434	285	52.5%
Nợ ngắn hạn	278	234	18.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	155	113	37.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	46.9	16.0	194%
Nợ dài hạn	156	50.9	207%
Vay và nợ thuê dài hạn	122	19.2	535%
Nguồn vốn chủ sở hữu	595	516	15.3%
Vốn chủ sở hữu	595	516	15.3%
Vốn điều lệ	486	442	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	40.6	96.6	75.4	97.3	25.5
Giá vốn hàng bán	25.0	51.3	52.9	58.8	15.8
Lợi nhuận gộp	15.6	45.3	22.5	38.5	9.69
Doanh thu HĐTC	0.02	0.01	0.01	0.04	0.06
Chi phí TC	1.86	0.79	1.05	1.02	2.72
Chi phí lãi vay	0.69	0.79	0.93	1.02	2.61
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	2.03	1.86	2.64	2.40	2.80
LN thuần từ HĐKD	11.7	42.6	18.8	35.1	4.23
Lợi nhuận khác	0.91	-0.01	-0.32	-0.01	-1.31
LN trước thuế	12.6	42.6	18.5	35.1	2.91
Lợi nhuận sau thuế	10.1	34.1	14.7	28.1	2.05
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	34.1	14.7	28.1	2.05

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	66.3	15.2	29.6	9.22	41.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-88.5	-22.3	-48.5	-82.0	-47.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	24.6	-7.00	17.0	72.8	61.8
Tiền đầu kỳ	19.2	21.6	7.47	5.60	5.57
Lưu chuyển tiền thuần	2.44	-14.2	-1.87	-0.03	56.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.6	7.47	5.60	5.57	61.7

(Nguồn: fireant.vn)